

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 02/01/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+RP3	7:25	20+0	0+0		16+4	0+0	
2		VSP01+P10+P2	7:25	15+0+0	0+0+0		9+0+13	0+0+0	chuyen 2 vsp01-p10
3		VSP01	7:25	17	0		22	0	
4		AMD+TGTH5	9:25	12+4	0+0		18+4	0+0	
5		AMD+PPD	9:25	16+0	0		15+7	0	
6		TGTH4+CLO+P2	9:25	3+18+0	0+0+0		3+16+3	0+0+0	
7		T.UNG	11:25	19	0		19	0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/01/2024	TO: TD1 - RP3	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: ĐỨC - KHẢI - DSon	ETA: 09:30
VANG - 1			

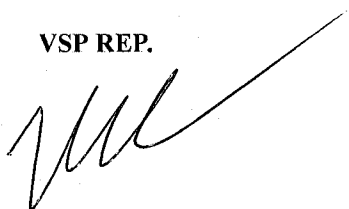
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN MẠNH HÙNG	TD1	36	1	3		73	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN TIẾN DŨNG	TD1	31-33	3	14		67	KHOAN	Vietnamese
3	HOÀNG XUÂN THỊ	TD1	92	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN NGỌC THAI	TD1	96	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
5	ĐOÀN TUẤN TÚ	TD1	35	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN THIÊN TUẤN	TD1	95	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
7	LẠI ĐỨC LÂM	TD1	98	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
8	TRINH HỮU NGHĨA	TD1	88	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM VĂN HUNG	TD1	94	1	3		57	KHOAN	Vietnamese
10	VŨ THANH CÔNG	TD1	29	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
11	BUI NGỌC QUANG	TD1	30	1	7		66	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN PHI HÙNG	TD1	90	1	9		85	KHOAN	Vietnamese
13	ĐỖ QUANG LỘC	TD1	34	1	7		63	KHOAN	Vietnamese
14	VŨ QUÝ VINH	TD1	27-28	2	8		75	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ VIỆT THANH	TD1	97	1	4		73	KHOAN	Vietnamese
16	VŨ ĐÌNH QUANG	TD1	99,500	2	20		78	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN BA LINH	TD1	24	1	10	23	64	KH-THAC	Vietnamese
18	DƯƠNG MINH VIỆT	TD1	91	1	8		60	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN HIỀN	TD1	89	1	5		75	DVL	Vietnamese
20	TRẦN ANH VINH	TD1	93	1	8		60	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	20	24	134	1.411	23	18		
2	RP3	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		20	24	134	1.411	23	22		
WEIGHT KG				134	1.411	23			

GRAND TOAL: 1.568 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/01/2024	TO: VSP01 - P10 - P2	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: TTrung - ĐNam - THU	ETA: 09:20
XANH-1			

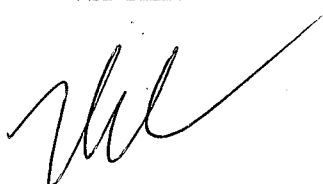
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BORVYNSKY	VSP01	89	1	8		92	KH-THAC	Russian
2	HUYNH KIM KHANH	VSP01	90	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM HOANG THANH	VSP01	88	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG ĐỨC ANH	VSP01					70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐỨC THIÊN	VSP01	95	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NAM SINH	VSP01	93	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN VĂN CHÂU	VSP01	94	1	2		61	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN VĂN TRƯỜNG	VSP01	92	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	TRỊNH TIẾN BÌNH	VSP01	91	1	8		92	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ QUANG THANH	VSP01	97	1	10		70	YTE	Vietnamese
11	TRẦN VĂN THUY	VSP01					70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TRỌNG NAM	VSP01	01-02	2	10		91	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN TUYỀN	VSP01					72	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN THANH LỢI	VSP01	96	1	11		81	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

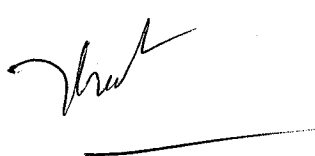
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	14	12	76	1.052	0	9	2	CHUYEN 2 PAX VSP01-P10
2	P10	0	0	0	0	0	0		
3	P2	0	0	0	0	45	13		
TOTAL		14	12	76	1.052	45	22		
WEIGHT KG				76	1.052	45			

GRAND TOAL: 1.173 KGS

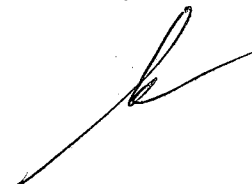
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	TO: VSP01	CREW: Dương - NPhú - Vũ	ETA: 09:25
CAM-1			

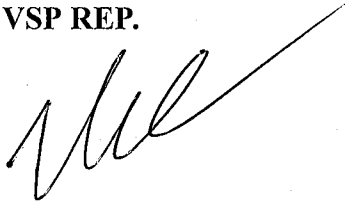
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUỐC TUÂN	VSP01	03	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG PHUC LUONG	VSP01					80	KH-THAC	Vietnamese
3	NGO XUAN ĐỨC	VSP01	13	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH TUNG	VSP01	11	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ THANH TUÂN	VSP01	05	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NGOC LÂN	VSP01					80	KH-THAC	Vietnamese
7	LƯU ĐÌNH LỰC	VSP01	09	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ HAI ĐĂNG	VSP01	14	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG MINH TÂM	VSP01	15-16	2	8		65	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN TÂN SANG	VSP01					70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THUỘNG HAI	VSP01	07-08	2	8		50	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN VIỆT TUNG	VSP01	10	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN DUY ĐÔNG	VSP01	17	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN THANH HÀ	VSP01	06	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN HOANG HÀ	VSP01	12	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VIỆT MINH HOANG	VSP01	04	1	8		72	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	16	15	67	1.130	0	22		
TOTAL		16	15	67	1.130	0	22		
WEIGHT KG				67	1.130	0			

GRAND TOAL: 1.197 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 05	TO: TGTH5 - AMD	CREW: TTrung - ĐNam - THỤ	ETA: 11:40
XANH-2			

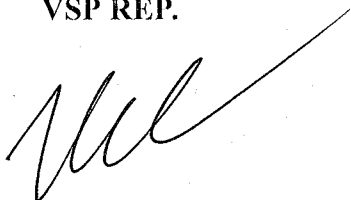
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DO VAN THAO	TGTH5	64-66	3	14		67	HLJOC	Vietnamese
2	NGUYEN HUU LUAT	TGTH5	61	1	2		69	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN DINH	TGTH5	62	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN VAN KHANH	TGTH5	63	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN KHAC TOAN	TGTH5	60	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG DINH VINH	AMD	62-63	2	15		68	HA VIET	Vietnamese
7	TRAN VAN THUY	AMD	55	1	5		74	HA VIET	Vietnamese
8	NGUYEN NGOC TAN	AMD	56	1	6		75	TLJOC	Vietnamese
9	NGUYEN BINH PHUONG	AMD	58-59	2	10		75	TLJOC	Vietnamese
10	DUONG CHI PHONG	AMD	54	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐÀO MINH TUÂN	AMD	52	1	5		89	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN TRUNG KIẾN	AMD	57	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
13	HOÀNG VĂN SAU	AMD	53	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ ANH MINH	AMD	64	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐOÀN VĂN THUỜNG	AMD	61	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM VĂN QUÂN	AMD	60	1	4		75	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

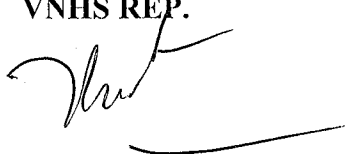
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH5	5	7	34	340	0	4		
2	AMD	11	13	66	801	0	18		
TOTAL		16	20	100	1.141	0	22		
WEIGHT KG				100	1.141	0			

GRAND TOAL: 1.241 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/01/2024	TO: AMD - PPD	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Dương - NPhú - Vũ	ETA: 11:45
CAM-2			

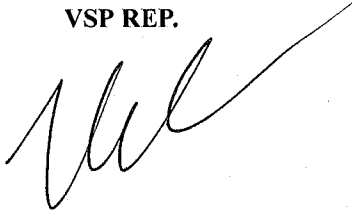
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐỨC TRUNG	AMD	84-85	2	8		60	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN HUNG	AMD	86	1	3		80	CODIEN	Vietnamese
3	LÀ NGỌC MẠNH	AMD	83	1	4		60	CODIEN	Vietnamese
4	DUÔNG MINH QUÂN	AMD	44-46	3	19	32	66	HA VIET	Vietnamese
5	NGUYỄN HUY THÂN	AMD	98	1	8		70	HA VIET	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN HOÀNG	AMD	50	1	11		70	HA VIET	Vietnamese
7	LÊ THANH NHÂN	AMD	51	1	10		70	HA VIET	Vietnamese
8	VÕ VĂN KHÔI	AMD	40-41	2	13		70	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ VĂN QUÂN	AMD	39	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TÂN PHỤNG	AMD	42	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
11	MAI VĂN MINH	AMD	37	1	10		50	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI SY VU	AMD	38	1	11		60	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN THANH TÔNG	AMD	48	1	15		55	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ VĂN UT KÊ	AMD	49	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGO TRI HUNG	AMD	43	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ CHI CUONG	AMD	47	1	13		64	HAVIET	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	16	20	162	1.040	32	15		
2	PPD	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		16	20	162	1.040	32	22		
WEIGHT KG				162	1.040	32			

GRAND TOAL: 1.234 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 07	TO: TGTH4 - CLO - P2	CREW: ĐỨC - KHẢI - D Sơn	ETA: 11:50
HONG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN THANH NGOAN	TGTH4	35-36	2	12		89	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ VĂN TỰ	TGTH4	50	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH CƯ	TGTH4	51-52	2	19		56	KH-THAC	Vietnamese
4	LƯƠNG NGỌC KHUÔNG	CLO	56-57	2	10		77	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM MINH HOÀNG	CLO	48	1	8		96	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN NGUYỄN MẠNH TUÔNG	CLO	52	1	3		64	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM ĐÌNH THỤ	CLO	40-41	2	17		67	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN VĂN ĐÌNH	CLO	53	1	3		62	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ MINH HIỆP	CLO	42-43	2	19		72	KHOAN	Vietnamese
10	BUI VĂN LUẬN	CLO	50	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
11	PHAN THANH TÂM	CLO	58	1	8		73	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN CÔNG BĂNG	CLO	54	1	11		82	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN ĐĂNG KHOA	CLO	55	1	6		73	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	CLO	60-61	2	15		65	KHOAN	Vietnamese
15	TÔ ANH TUẤN	CLO	49	1	8		86	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ HUY TUYẾN	CLO	47	1	6		56	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN MẠNH	CLO	46	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
18	ĐẶNG ĐÌNH TUẤN	CLO	39	1	15		73	CODIEN	Vietnamese
19	LÊ VIỆT TUẤN	CLO	44-45	2	12	20	79	CODIEN	Vietnamese
20	PHAN NGỌC TIẾN	CLO	59	1	9		60	DVL	Vietnamese
21	LẠI ĐÌNH HAI	CLO	51	1	7		79	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH4	3	5	41	207	0	3		
2	CLO	18	23	163	1.300	20	16		
3	P2	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		21	28	204	1.507	20	22		
WEIGHT KG				204	1.507	20			

GRAND TOAL: 1.731 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 622	ETD: 08:30
FLIGHT: 04	TO: T.UNG	CREW: ĐTrung - LTuấn	ETA: 11:30
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐÀO DUY TỰ	T.UNG	47	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ THANH TUNG	T.UNG	61	1	6		82	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐỖ VĂN CUÔNG	T.UNG	48	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
4	DƯƠNG VĂN THÔNG	T.UNG	60	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
5	HÀ ĐỨC THANH	T.UNG	51	1	10		60	PSV	Vietnamese
6	HOÀNG ANH MINH	T.UNG	54	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ ANH TUẤN	T.UNG	53	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ HỒNG QUANG	T.UNG	58-59	2	12		78	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ TUẤN AN	T.UNG	55	1	9		72	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ XUÂN ĐẠT	T.UNG	56	1	6		82	KH-THAC	Vietnamese
11	LƯU QUANG ĐẠT	T.UNG	63	1	11		70	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYỄN HUY DŨ	T.UNG	57	1	8		93	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN ĐÀN	T.UNG					65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN TRƯỞNG	T.UNG	49	1	4		70	PSV	Vietnamese
15	PHẠM THAI SƠN	T.UNG	64-65	2	13		54	CODIEN	Vietnamese
16	QUÁCH VĂN THẢO	T.UNG	50	1	3		70	YTE	Vietnamese
17	TRẦN CAO TUẤN	T.UNG	62	1	9		66	CODIEN	Vietnamese
18	TRẦN TỰ LONG	T.UNG	52	1	4		67	PSV	Vietnamese
19	TRẦN VĂN SƠN	T.UNG					72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	19	19	128	1.326	0	19		
TOTAL		19	19	128	1.326	0	19		
WEIGHT KG				128	1.326	0			

GRAND TOAL: 1.454 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 03/01/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP1+TD2	7:25	12+10	0+0		11+11	0+0	
2		RP2+CTC1+RP3	7:25	0+3+18	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 1 rp2-ctc1
3		BK15+PPD	7:25	4+18	0+0		3+19	0+0	
4		P4+MRM	7:25	17+5	0+0		16+6	0+0	
5		BK16+RC6+TD2	9:25	6+7+9	0+0+0		0+7+15	0+0+0	
6		VSP02+PPD	9:25	11+11	0+0		7+15	0+0	
7		MRM+CLI	9:25	18+0	0+0		19+3	0+0	
8		RP3+RC5	9:25	22+0	0+0		12+10	0+0	
9		RP1+RC5	11:25	16+6	0+0		9+13	0+0	
10		VSP02+RC4+TD2	11:25	15+6+1	0+0+0		8+5+9	0+0+0	
11		RCDM+VSP02	11:25	7+15	0+0		6+16	0+0	
12		CTK3+BK20+RP3	11:25	11+1+10	0+0+0		8+0+14	0+0+0	chuyen 3 ctk3-bk20

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/01/2024	TO: RP1 - TD2	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: VThắng - Sơn - Thành -	ETA: 09:20
xamh-1		HIEU	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HUY TÂM	RP1	38	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
2	LÀ VĂN TÔI	RP1				63	80	YTE	Vietnamese
3	TRẦN TUẤN ANH	RP1	43	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH HAI	RP1	40	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI NGỌC LONG	RP1	41-42	2	5		78	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN BAO TRUNG	RP1	65	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐINH VĂN LIÊN	RP1	66	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN QUANG THÔNG	RP1					70	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG VŨ NHẬT VINH	RP1	39	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ TRI KHANH	RP1	64	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ BÀ NẾP	RP1	68-69	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN NĂNG	RP1	67	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ TUẤN NGHĨA	TD2	39	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
14	ĐINH DUY HAI	TD2	40	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN TÀI THUYẾT	TD2	34	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
16	VŨ THẬP TOÀN	TD2				60	60	KHOAN	Vietnamese
17	HÀ VĂN LINH	TD2	99	1	5		100	KHOAN	Vietnamese
18	PHẦN TUẤN ANH	TD2	37	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN KHÁC HÀ TRUNG	TD2	41	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
20	LÊ MINH ĐỨC	TD2	35	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN CHÍ ĐỨC	TD2	38	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
22	ĐINH VĂN HUÂN	TD2	36	1	5		76	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

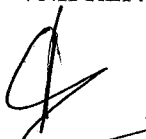
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	12	12	53	823	63	11		ICG Phan Tung Thanh
2	TD2	10	9	45	739	60	11		
TOTAL		22	21	98	1.562	123	22		
WEIGHT KG				98	1.562	123			

GRAND TOAL: 1.783 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: RP2 - CTC1 - RP3	CREW: Dương - MTHAO - Vũ	ETA: 09:25
CAM-1			

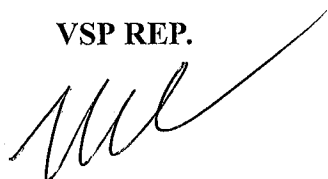
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ TRẦN TRUNG	CTC1	63	1	6	8	74	CODIEN	Vietnamese
2	LÊ MINH SỸ	CTC1	64	1	11	35	77	CODIEN	Vietnamese
3	PHẠM HOÀNG	CTC1	60-62	3	17		61	CODIEN	Vietnamese
4	LƯƠNG VĂN PHỒ	RP3	54-55	2	7	32	72	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN QUỐC KHIÊM	RP3	57	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN ANH ĐỒNG	RP3	59	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ TÂN CHÂU	RP3	62	1	7		81	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐỖ QUANG TỎ	RP3	58	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN SỸ ĐIẾP	RP3	61	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN QUÝ HAI	RP3					66	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG CÔNG THỊNH	RP3	60	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ QUANG HUNG	RP3	66	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN VĂN TIẾN	RP3	68	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN SEN	RP3	52	1	5		67	KHI	Vietnamese
15	LÊ NHƯ NGUYỄN	RP3	64-65	2	7		58	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN SANG	RP3	51	1	5		60	KHI	Vietnamese
17	LÂM TIẾN PHI	RP3	53	1	5		85	KHI	Vietnamese
18	HỒ VĂN LUONG	RP3	50	1	5		62	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN TRUNG HÒA	RP3	56	1	10		75	KHI	Vietnamese
20	PHẠM TRUNG DŨNG	RP3	63	1	7		75	KHI	Vietnamese
21	ĐẶNG HUY KHANH	RP3	67	1	3		79	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	0	0	0	0	40	0-11		CHUYEN 1 PAX RP2-CTC1
2	CTC1	3	5	34	212	43	0		
3	RP3	18	19	102	1.323	32	22		
TOTAL		21	24	136	1.535	115	22		
WEIGHT KG				136	1.535	115			

GRAND TOAL: 1.786 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/01/2024	TO: BK15 - PPD	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: CHIẾN - NPhú - DTùng	ETA: 09:30
VANG-1			

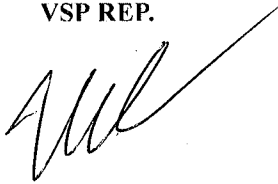
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU MINH ĐỨC	BK15	75-76	2	20		93	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAM THAI SON	BK15	74	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN CUONG	BK15	72	1	15		78	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN DAI KHOA	BK15	73	1	13		69	KH-THAC	Vietnamese
5	DO CHUNG KIEN	PPD	26	1	3		61	KHI	Vietnamese
6	VU THANH BINH	PPD	27	1	6		89	KHI	Vietnamese
7	PHAN VAN TUNG	PPD	29	1	8		83	KHI	Vietnamese
8	TRAN VAN DUNG	PPD	25	1	3		78	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN VAN TA	PPD	33	1	2		70	KHI	Vietnamese
10	DO NGOC TAN	PPD	35	1	9		76	KHI	Vietnamese
11	TRINH VAN CUONG	PPD	32	1	4		73	KHI	Vietnamese
12	TRAN LE RANG	PPD	28	1	5		83	KHI	Vietnamese
13	PHAM TAI	PPD	23	1	10		75	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN HUU HAO	PPD	30	1	5		75	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN HUY TRUONG	PPD	38-39	2	6		68	KHI	Vietnamese
16	KOLESNIK A.Y	PPD	21-22	2	10		103	KHI	Russian
17	LE MINH PHUNG	PPD	18-19	2	16		82	KHI	Vietnamese
18	BUI THANH	PPD	20	1	3		63	KHI	Vietnamese
19	TRINH QUOC THANH	PPD	36-37	2	10		104	KHI	Vietnamese
20	PHAM HAI QUANG	PPD	24	1	4		74	KHI	Vietnamese
21	DO VAN THANH	PPD	31	1	7		83	KHI	Vietnamese
22	VU MANH HUNG	PPD	17	1	3		72	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK15	4	5	56	320	0	3		
2	PPD	18	22	114	1.412	0	19		
TOTAL		22	27	170	1.732	0	22		
WEIGHT KG				170	1.732	0			

GRAND TOAL: 1.902 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:45
FLIGHT: 4	TO: P4 - MRM	CREW: PHÚ - ĐỨC - thông - MQUÂN	ETA: 09:35
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN LÊ HUY	P4	37	1	5		70	KHI	Vietnamese
2	PHẠM THẾ TRƯỞNG	P4	31-32	2	20		76	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH TRUNG	P4	33	1	4		70	KHI	Vietnamese
4	PHẠM TRẠI	P4	39	1	4		65	KHI	Vietnamese
5	TẠ XUÂN HIỆU	P4	41	1	5		65	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU LUẬN	P4	30	1	4		72	KHI	Vietnamese
7	PHẠM ĐỨC HIỆP	P4	46	1	4		80	KHI	Vietnamese
8	TRẦN VĂN PHÚC	P4	44	1	5		65	KHI	Vietnamese
9	PHAN HỒNG TÂM	P4	42-43	2	10		60	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN VIỆT NGỌC	P4	36	1	5		65	KHI	Vietnamese
11	TRẦN SƠN TIỀN	P4	35	1	5		68	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN THỊNH	P4	45	1	5		75	KHI	Vietnamese
13	BUI ĐĂNG TIỀN	P4	38	1	6		68	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TÀI	P4	29	1	3	23	70	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN HOÀNG TRƯỜNG	P4					80	KHI	Vietnamese
16	PHAN ĐÌNH NHÂM	P4	40	1	5		60	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN THẾ HUY	P4	34	1	12		78	CODIEN	Vietnamese
18	ZHESTKOV ALEXEY	MRM	51	1	12		108	AMNGR	Russian
19	TSVETKOV OLEG	MRM	53	1	12	30	110	AMNGR	Russian
20	KIMAKOVSKII STANISLAV	MRM	55	1	10		95	AMNGR	Russian
21	KIMAKOVSKII MAKSIM	MRM	52	1	6		84	AMNGR	Russian
22	PHAM NGOC QUAN	MRM	54	1	5		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	17	18	102	1.187	23	16		
2	MRM	5	5	45	467	30	6		
TOTAL		22	23	147	1.654	53	22		
WEIGHT KG				147	1.654	53			

GRAND TOAL: 1.854 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 5	TO: BK16 - RC6 - TD2	CREW: VThăng - Sơn - Thành - HIẾU	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BELAEV S. A.	BK16	87	1	15		82	KH-THAC	Russian
2	VŨ VIỆT HUÂN	BK16	82	1	5	33	70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TIẾN QUÝ	BK16	83	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ VĂN HIẾU	BK16	81	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM HỒNG QUÝ	BK16	86	1	5		70	DVL	Vietnamese
6	ĐOÀN MINH ĐẠT	BK16	84-85	2	19		78	DVL	Vietnamese
7	VŨ QUANG TUYẾN	RC6	25	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HÂN	RC6					70	KH-THAC	Vietnamese
9	CHU TIẾN BÌNH	RC6	23	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN LẠ	RC6				35	65	KH-THAC	Vietnamese
11	CHU TUÂN ANH	RC6	27-28	2	7		60	CODIEN	Vietnamese
12	ĐẶNG SỰ	RC6	24	1	5		76	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT HÀ	RC6	26	1	10		72	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN DUÂN	TD2	57	1	7		63	KHOAN	Vietnamese
15	ĐINH VĂN TÀI	TD2	54	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
16	PHẠM VĂN HÙNG	TD2	59	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN VĂN MINH	TD2	51	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
18	CU THANH NHAN	TD2	56	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
19	VŨ XUÂN PHONG	TD2	52	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN HỮU TOÀN	TD2	50	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN NGỌC TU	TD2	55	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
22	LUONG TUÂN ANH	TD2	53	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	6	7	59	455	33	0		CU Phan T. Thanh
2	RC6	7	6	33	483	35	7		
3	TD2	9	9	47	602	0	15		
TOTAL		22	22	139	1.540	68	22		
WEIGHT KG				139	1.540	68			

GRAND TOAL: 1.747 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/01/2024	TO: VSP02 - PPD	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:55
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Dương - MTHAO - Vũ	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THĂNG	VSP02	78	1	5	6	60	DIEUHANH	Vietnamese
2	ĐỖ DUY ĐỒNG	VSP02	86	1	5		70	DIEUHANH	Vietnamese
3	LÊ TRƯỜNG SA	VSP02	85	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
4	SABITOV A.A	VSP02					81	KH-THAC	Russian
5	NGUYỄN VĂN DỰ	VSP02	82	1	6		74	YTE	Vietnamese
6	HUYNH ANH BAO	VSP02	84	1	9		79	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG NGỌC CUÔNG	VSP02	83	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
8	SERGIERNKO S.	VSP02	80	1	9		83	KH-THAC	Russian
9	NGUYỄN XUÂN GIANG	VSP02	79	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
10	DUCHENKO A.	VSP02	81	1	5		137	KH-THAC	Russian
11	TRẦN LÊ HỘI	VSP02	87	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
12	CHU MINH PHƯƠNG	PPD	51	1	5	24	85	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC HOÀ	PPD	47	1	7		77	KHI	Vietnamese
14	TRỊNH CÔNG BÌNH	PPD	48	1	10		65	KHI	Vietnamese
15	ĐẶNG TRỌNG ĐẠT	PPD	42	1	5		65	KHI	Vietnamese
16	LÊ VĂN LẠNH	PPD	44	1	12		55	KHI	Vietnamese
17	NGO VĂN GIÁP	PPD	43	1	8		58	KHI	Vietnamese
18	VU ĐỨC HOÀNG	PPD	50	1	6		69	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN HUY HOÀNG	PPD	49	1	6		75	KHI	Vietnamese
20	ĐỖ THANH HÙNG	PPD	45-46	2	9		68	YTE	Vietnamese
21	TÔ QUANG HUY	PPD					65	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN TRƯỜNG AN	PPD	53	1	10		83	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	11	10	60	859	6	7		
2	PPD	11	11	78	765	24	15		
TOTAL		22	21	138	1.624	30	22		
WEIGHT KG				138	1.624	30			

GRAND TOAL: 1.792 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 10:00
FLIGHT: 07	TO: MRM - CLI	CREW: CHIẾN - NPhú - DTùng	ETA: 11:50
VANG 2			

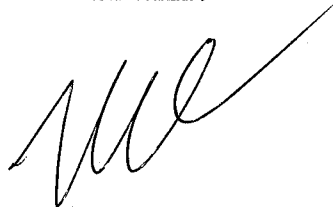
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	IAREMCHENKO TARAS	MRM	43	1	10		90	AMNGR	Russian
2	RODIKOV STANISLAV	MRM	45-46	2	10		71	AMNGR	Russian
3	SAVELEV NIKITA	MRM	40	1	7		89	AMNGR	Russian
4	KUZNETSOV VLADIMIR	MRM	41-42	2	20		100	AMNGR	Russian
5	KONDRATIUK KIRILL	MRM	27	1	18		75	AMNGR	Russian
6	MOROZOV ANDREY	MRM	39	1	7		106	AMNGR	Russian
7	BOGOMOLOV DANIIL	MRM	30-31	2	10		87	AMNGR	Russian
8	PIKULSKY TIMUR	MRM	28-29	2	9		121	AMNGR	Russian
9	GOLOVLEV NIKITA	MRM	47-48	2	13		110	AMNGR	Russian
10	DOBRYNIL PAVEL	MRM	44	1	10		110	AMNGR	Russian
11	SHCHETININ IVAN	MRM	26	1	12		78	AMNGR	Russian
12	LOGANOV VITALII	MRM	32	1	16		92	AMNGR	Russian
13	MANAKOV DENIS	MRM	37-38	2	13		90	AMNGR	Russian
14	TYSACHNIK ALEKSANDR	MRM	35-36	2	17		87	AMNGR	Russian
15	CHU VAN LAI	MRM	49-50	2	10	12	71	VTEPCO	Vietnamese
16	AZARENKOV	MRM	33-34	2	10		92	AMNGR	Russian

FLIGHT PLAN

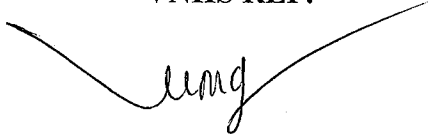
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	16	25	192	1.469	12	19		
2	CLI	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		16	25	192	1.469	12	22		
WEIGHT KG				192	1.469	12			

GRAND TOAL: 1.673 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:05
FLIGHT: 8	TO: RP3 - RC5	CREW: PHÚ - ĐỨC - thông - MQUÂN	ETA: 11:55
HONG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE XUAN VIET	RP3	32	1	4		76	KHI	Vietnamese
2	PHAM VAN LAP	RP3					60	KHI	Vietnamese
3	NGUYEN VIETKY	RP3	38	1	2		69	KHI	Vietnamese
4	NGO NGOC HAN	RP3	33-34	2	8		66	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN VAN VU	RP3	35	1	10		72	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN DUY LINH	RP3	36	1	7		75	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN VAN CU	RP3	42	1	3		60	KHI	Vietnamese
8	TRUONG VAN NGUYEN	RP3	37	1	9		50	KHI	Vietnamese
9	LUONG VAN THIEN	RP3	78	1	7		105	KHI	Vietnamese
10	PHAM VAN HIEP	RP3	76-77	2	7		70	KHI	Vietnamese
11	MAI DUC CUONG	RP3	74	1	5		74	KHI	Vietnamese
12	THAI DOAN VIET	RP3	73	1	8		70	KHI	Vietnamese
13	MAI VAN TUYEN	RP3	79	1	8		65	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN VAN DIEP	RP3	75	1	7		65	KHI	Vietnamese
15	PHAM MINH TOAN	RP3	71-72	2	14		57	YTE	Vietnamese
16	NGUYEN DINH HO	RP3	1000	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM QUOC CHE	RP3	99	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
18	DINH QUANG THANH	RP3	44	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
19	CAO DUC THANH	RP3	39	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
20	DANG HAI HA	RP3	41	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
21	NUYEN CONG SOAI	RP3	40	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAN VIET HUNG	RP3	43	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	24	142	1.521	0	12		
2	RC5	0	0	0	0	100	10		
TOTAL		22	24	142	1.521	100	22		
WEIGHT KG				142	1.521	100			

GRAND TOAL: 1.763 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/01/2024	TO: RP1 - RC5	AIRCRAFT: 416	ETD: 12:10
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: VTHA - ĐỨC - thông -	ETA: 14:00
TIM-3		MQUAN	

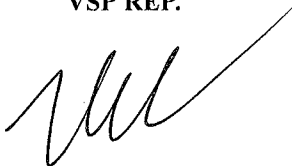
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHUNG DAI DUONG	RP1	78	1	8		76	KH-THAC	Vietnamese
2	DUONG NHAT THANH	RP1	81	1	12		72	KH-THAC	Vietnamese
3	TANG THANH DAN	RP1	89	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN TRUNG TIN	RP1	90	1	9		93	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VIET HUNG	RP1	79-80	2	7		71	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN XUAN THANH	RP1	84	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐANG TRỌNG GIAO	RP1	92	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN TRỌNG HIEU	RP1	85	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
9	VÔ QUỐC THÔNG	RP1	87-88	2	15		78	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐO VĂN THANH	RP1	82-83	2	8		73	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐÌNH THAM	RP1	86	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN QUỐC THUẬN	RP1	76-77	2	1		63	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN LỊCH	RP1	95	1	10		83	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THỊ ANH	RP1	93-94	2	9		45	NIPI	Vietnamese
15	SOKOLOVA G.A	RP1	91	1	10		61	NIPI	Russian
16	BUI TRUNG UYEN	RP1	75	1	6		82	PSV	Vietnamese
17	CAO THANH HỢP	RC5	61-62	2	8		64	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI QUỐC VIỆT	RC5					82	KH-THAC	Vietnamese
19	TÔ TIẾN DŨNG	RC5	63	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐỨC NHAN	RC5	64	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐANG ĐÌNH HOA	RC5	65-66	2	12		60	KH-THAC	Vietnamese
22	HỒ ĐÌNH LỘC	RC5	67	1	6		82	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	16	21	120	1.141	0	9		
2	RC5	6	7	42	439	0	13		
TOTAL		22	28	162	1.580	0	22		
WEIGHT KG				162	1.580	0			

GRAND TOAL: 1.742 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/01/2024	TO: VSP02 - RC4 - TD2	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:15
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Linh - XTrường - QTrường	ETA: 14:05
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN XUÂN KINH	VSP02	28	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH THẢO	VSP02	24-25	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐỖ QUỐC TRINH	VSP02	14	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM DUY QUANG	VSP02					70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VIỆT NGỌC	VSP02	18	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TUẤN DƯƠNG	VSP02	21-22	2	14		68	KH-THAC	Vietnamese
7	DƯƠNG TRUNG VIỆT	VSP02	20	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC QUANG	VSP02	19	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI NGUYỄN QUANG	VSP02	16	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM TRỌNG TUẤN	VSP02	23	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN QUYẾT	VSP02	26	1	8		55	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI XUÂN TIẾN	VSP02	27	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	VU THAI SƠN	VSP02	17	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
14	HA MẠNH THẮNG	VSP02	15	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI HUY BÌNH	VSP02	29	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
16	VÔ HUY HOANG	RC4	88	1	17		82	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN MINH THỊ	RC4	12	1	10	30	113	KH-THAC	Vietnamese
18	VÔ VĂN ĐỒNG	RC4	85-87	3	12		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH SƠN	RC4	89-90	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ QUÝ TOÀN	RC4	91	1	10	15	60	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN CAO MỘNG	RC4	93	1	5		60	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN TẤT TÂM	TD2	45	1	4		54	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	15	16	99	1.018	0	8		
2	RC4	6	9	64	455	45	5		
3	TD2	1	1	4	54	0	9		
TOTAL		22	26	167	1.527	45	22		
WEIGHT KG				167	1.527	45			

GRAND TOAL: 1.739 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/01/2024	TO: RCDM - VSP02	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:20
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: TTrung - ĐNam - Tú	ETA: 14:10
NAU-3			

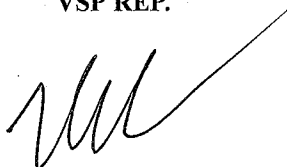
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOÀNG HỮU SƠN	RCDM	71	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN BUI NAM	RCDM	70	1	4		95	KH-THAC	Vietnamese
3	TU TUẤN TU	RCDM	77	1	3		86	KH-THAC	Vietnamese
4	HUYNH MINH TRI	RCDM	75-76	2	10	40	48	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TIẾN HUY	RCDM	77	1	13		85	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ ĐÌNH ĐẠI	RCDM	73-74	2	16		66	KH-THAC	Vietnamese
7	HỒ TRỌNG BẢNG	RCDM	72	1	6		74	PSV	Vietnamese
8	TÔ VĂN HUNG	VSP02	04	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐÌNH DUƠNG	VSP02	96	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐỖ TRUNG DŨNG	VSP02	99,200	2	9		60	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM HỮU TRI	VSP02					68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	VSP02	94-95	2	17		80	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN HỮU KHÁNH	VSP02	93	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
14	LŨ SƠN	VSP02	03	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ XUÂN HUNG	VSP02	97	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐỨC DŨNG	VSP02	98	1	7		98	KH-THAC	Vietnamese
17	LƯƠNG HOÀNG ĐẠT	VSP02	01	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese
18	VÔ TẤN LINH	VSP02	02	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN VIỆT QUANG	VSP02	90-91	2	12		72	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ VĂN DŨNG	VSP02	88	1	8	25	65	CODIEN	Vietnamese
21	DOÀN VIỆT ĐỒNG	VSP02	89	1	12		74	CODIEN	Vietnamese
22	NGUYỄN MINH PHUNG	VSP02	92	1	10		66	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

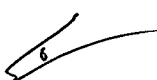
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	7	9	58	529	40	6		
2	VSP02	15	17	117	1.059	25	16		
TOTAL		22	26	175	1.588	65	22		
WEIGHT KG				175	1.588	65			

GRAND TOAL: 1.828 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:25
FLIGHT: 12	TO: CTK3 - BK20 - RP3	CREW: TUYỀN - M.Đức - Đ.Huy	ETA: 14:15
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH VĂN SƠN	CTK3	47	1	5	5	76	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM NGỌC CHIẾN	CTK3	46	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI ĐỨC HẠU	CTK3	48	1	9	34	65	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN THƯ	CTK3	45	1	6		51	CODIEN	Vietnamese
5	PHẠM MẠNH HAI	CTK3	49	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẠM NGỌC ĐÌNH	CTK3	50	1	15	13	82	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN MẠNH HÙNG	CTK3	54-55	2	20		74	XAYLAP	Vietnamese
8	NGÔ ĐÌNH NHẬT MINH	CTK3	52	1	10		86	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN QUANG TRUNG	CTK3	53	1	12		69	XAYLAP	Vietnamese
10	THAI QUANG HUY	CTK3					75	SANBAY	Vietnamese
11	NGUYEN TAN VUONG	CTK3	42-44	3	20		75	DUY LINH	Vietnamese
12	PHẠM THANH TÀI	BK20	60	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH TÙNG	RP3	12	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN NAM TRUNG	RP3	04	1	10		59	KH-THAC	Vietnamese
15	HUYNH TÂN NGON	RP3	06	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU MẬU	RP3	07-08	2	13		69	KH-THAC	Vietnamese
17	VÔ THANH LÂM	RP3	02	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM DUY NHIÊN	RP3	03	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM XUÂN HOÀNG	RP3	09	1	12		90	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ CÔNG HUNG	RP3	05	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH BÌNH	RP3	10	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
22	DUƠNG CHUNG THUY	RP3	11	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	11	13	117	785	52	8	3	CHUYEN 3 PAX CTK3-BK20 +1NB CTK3 VE GHE PHU
2	BK20	1	1	10	80	0	0		
3	RP3	10	11	74	696	0	14		
TOTAL		22	25	201	1.561	52	22		
WEIGHT KG				201	1.561	52			

GRAND TOAL: 1.814 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN